

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2023/HS-ST**

Ngày: 30-5-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Thi.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Lê Văn Thương.

- Bà Trần Thị Thu Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Chung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn N- Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn A sinh ngày 05 tháng 12 năm 2001, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp Mỹ Bình, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị TL sinh năm 1984; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Ông **Nguyễn Văn X** sinh năm 1953 (đã chết).

HKTT: Ấp Đông B, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp của gia đình bị hại: Anh **Nguyễn Văn N** sinh năm 1980 (có mặt).

Trú tại: Ấp Đông B, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Bà **Nguyễn Thị Q** sinh năm 1958 (có mặt);

Trú tại: Ấp Mỹ Lợi, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị **Nguyễn Thị TL** sinh năm 1984 (có mặt).

Trú tại: Ấp Mỹ Bình, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 09/10/2022, trên Tỉnh lộ 865 thuộc khu phố 3, thị trấn MPh, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo Nguyễn Văn A khi điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 102.43 trong trạng thái ngủ gật nên để xe va chạm vào phía sau xe mô tô 02 bánh biển số 63B3 – 891.98 do ông Nguyễn Văn X điều khiển chở bà Nguyễn Thị Q đang lưu thông cùng chiều phía trước, làm 03 người và 02 xe ngã xuống đường gây tai nạn. Hậu quả làm ông X bị chấn thương nặng đến ngày 13/10/2022 thì tử vong, còn bị cáo và bà Q bị thương, 02 xe hư hỏng.

- Về kết quả khám nghiệm hiện trường:

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn nằm trên đường Tỉnh lộ 865 thuộc Khu phố 3, thị trấn MP, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Đường được trải nhựa bằng phẳng, rộng 06 mét, chạy dọc theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, không có chướng ngại vật, không bị che khuất tầm nhìn và có vạch phân tuyến không liên tục ở giữa.

+ Chọn vạch phân tuyến không liên tục làm chuẩn (ký hiệu A).

+ Vùng va chạm giữa xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 102.43 và xe mô tô 02 bánh biển số 63B3 – 891.98 là tại phần đường hướng Tây Bắc, ký hiệu số 6. Tâm vùng cách A là 1,2 mét.

- Về kết quả khám nghiệm phương tiện:

+ Biên bản khám nghiệm phương tiện xe 63B8 – 102.43 bị hư hỏng và ghi nhận dấu vết như sau: Yếm bửng trái bị trầy xước, mài mòn nhựa; Phần đầu chắn bùn trước có để lại vết vỡ nhựa, kích thước (10 x 06) cm; Mặt bên trái đĩa phanh trước có bám dính vết màu đen, nghi cao su, kích thước (11 x 03) cm; Trên lớp trước mặt bên trái có để lại vùng chà sát, không bám bụi đất, kích thước (30 x 04) cm; Vành trước mặt bên phải có để lại vết xước và cong kim loại dài 04 cm; Mặt dưới đế gác chân sau bên trái bị mài khuyết kim loại; Mặt dưới đế đạp nâng chống giữa có để lại vết xước kim loại kích thước (10 x 1,5) cm.

+ Biên bản khám nghiệm phương tiện xe 63B3 – 891.98 bị hư hỏng và ghi nhận dấu vết như sau: Trên trụ mắc gương chiếu hậu bên phải có để lại vết trầy xước kích thước (02 x 01) cm; Côn tay phanh bên phải bị gãy, đuôi cao su tay nắm bên phải bị xước nhựa; Yếm bửng bên phải có để lại nhiều vết xước mòn nhựa; Mặt bên phải bệ lót chân và ốp lưng bị mài khuyết nhựa, kích thước (30 x 04) cm; Mặt dưới đế gác chân sau bên phải bị mài khuyết kim loại, kích thước (02 x 01) cm; Mặt phải mũ ốp che pô bị trầy xước, mài mòn nhựa, kích thước (30 x 04) cm; Từ đuôi pô cách về trước 43 cm ở mặt bên phải và dưới ống pô có để lại vết xước kim loại, kích thước (03 x 01) cm; Từ đuôi pô cách về trước 16 cm ở mặt bên trái là vùng bị chà sát, không bám bụi đất, kích thước (16 x 04) cm; Từ mặt đất cách lên trên 47 cm ở mặt bên phải chắn bùn sau có để lại vùng xước nhựa và bám dính vết màu đỏ nghi sơn, kích thước (06 x 03) cm.

+ Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 320/2022/TTh ngày 13/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận nguyên nhân tử vong của ông X là chấn thương sọ não kín do xuất huyết dưới màng cứng, dưới nhện, xuất huyết thân não; dập não, phù não; hậu phẫu chấn thương sọ não.

- Vật chứng của vụ án được thu giữ và xử lý như sau:

+ Xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 102.43, nhãn hiệu HONDA, màu đỏ đen. Số máy: JF46E-6036287, số khung: RLHJF4613EZ110943. Qua điều tra xác minh xe mô tô này là do chị Nguyễn Thị TL (mẹ ruột của bị cáo) đứng tên sở hữu. Ngày 29/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định trả lại xe cho chị TL xong.

+ Xe mô tô 02 bánh biển số 63B3 – 891.98, nhãn hiệu HONDA, màu đỏ đen. Số máy: JF63E2560031, số khung: RLHJF6328KZ135602. Qua điều tra xác minh xe mô tô này là do ông X đứng tên sở hữu. Ngày 29/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định trả lại xe cho anh Nguyễn Văn N là con ruột của ông X xong.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho phía gia đình bị hại là anh Nguyễn Văn N với số tiền 80.000.000 đồng xong.

- Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS-TP ngày 19/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Văn A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 03 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về vật chứng của vụ án: Ghi nhận đã xử lý xong.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của gia đình bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

- Bị cáo khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo.

- Anh Nguyễn Văn N khai: Bà Trần Thị H là mẹ của ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị G là vợ của ông X, các con của ông X gồm có chị Nguyễn Thị KL, chị Nguyễn Thị KP, anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị NT, chị Nguyễn Thị NH và anh. Hàng thừa kế thứ nhất của ông X gồm có bà H, bà G, chị KL, chị KP, anh M, chị NT, chị NH và anh, không còn ai khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông X và anh là đại diện theo ủy quyền cho những người đó. Sau khi gây ra tai nạn bị cáo đã khắc phục hậu quả cho gia đình số tiền 80.000.000 đồng, anh là người đại diện nhận tiền và đã làm đơn bãi nại. Nay anh không yêu cầu gì thêm, xin giảm hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bà Nguyễn Thị Q khai: Tai nạn xảy ra bà cũng bị thương nhưng không đáng kể và không yêu cầu bồi thường, xin giảm hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

- Chị Nguyễn Thị TL khai: Chị là mẹ ruột của bị cáo và là chủ sở hữu của xe mô tô 02 bánh biển số 63B8- 102.43. Ngày 09/10/2022 bị cáo sử dụng xe mô tô 02 bánh biển số 63B8- 102.43 để làm phương tiện đi làm thì chị không biết. Chị biết bị cáo chưa có giấy phép lái xe và chị đã nhận lại xe mô tô 02 bánh biển số 63B8- 102.43, chị có phụ bị cáo khắc phục hậu quả cho gia đình ông X số tiền 80.000.000 đồng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy mình sai, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Vào khoảng 10 giờ ngày 09/10/2022, trên Tỉnh lộ 865 thuộc khu phố 3, thị trấn MP, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo trong khi chưa đủ điều kiện lái xe (chưa có giấy phép lái xe theo quy định) đã điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 102.43 trong trạng thái ngủ gật nên để xe va chạm vào phía sau xe mô tô 02 bánh biển số 63B3 – 891.98 do ông Nguyễn Văn X điều khiển chở bà

Nguyễn Thị Q đang lưu thông cùng chiều phía trước, làm 03 người và 02 xe ngã xuống đường gây tai nạn. Hậu quả là ông X bị chấn thương nặng đến ngày 13/10/2022 thì tử vong, còn bị cáo A và bà Q bị thương nhẹ, 02 xe hư hỏng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

Theo khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ quy định: *“Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông”*.

[2.2] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với bị cáo là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Bị cáo A điều khiển xe mô tô 02 bánh biển số 63B8 – 102.43, nhưng chưa đủ điều kiện lái xe (chưa có giấy phép lái xe theo quy định) và trong trạng thái ngủ gật là đã vi phạm khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ, đây là nguyên nhân trực tiếp của vụ tai nạn gây hậu quả nghiêm trọng, làm ông X chết. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác, vi phạm an toàn giao thông đường bộ và trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, bị cáo A phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo là người có công với cách mạng; đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu thêm về trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả xong đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Gia

đình bị cáo là người có công với cách mạng; đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định, chấp hành pháp luật tốt tại địa phương, xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo, không gây nguy hiểm cho xã hội. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự là cũng đã đủ để giáo dục, cải tạo bản thân bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý xong nên không đặt ra xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn N là đại diện gia đình bị hại đã nhận tiền bồi thường thiệt hại là 80.000.000 đồng xong, không yêu cầu bồi thường gì thêm; Bà Nguyễn Thị Q và chị Nguyễn Thị TL không yêu cầu bồi thường. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với hành vi của chị Nguyễn Thị TL: Quá trình điều tra xác định chị Linh không có hành vi giao xe cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông gây tai nạn chết người nên không có cơ sở xử lý hình sự theo Điều 264 BLHS. Tuy nhiên, chị TL có hành vi “*Để cho người không đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật giao thông đường bộ điều khiển xe tham gia giao thông*” là vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 30 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt nên Cơ quan điều tra kiến nghị xử lý hành chính chị TL là có cơ sở.

[10] Về án phí: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Xét phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo;

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn A 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn A cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn A thay đổi nơi cư trú trong thời gian thử thách thì việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách được thực hiện theo Điều 68, 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi